

Số: 12/2020/QĐST-KDTM

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 62/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 H, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức danh: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn Th (Theo Giấy uỷ quyền số 23a/UQ-NHNoTY-TD ngày 12/6/2020).

Bị đơn: Công ty 142

Trú sở: Số 7, nhà A, ngõ 24 đường V, phường Đ, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc V – Chức vụ: Giám đốc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Thu Th, sinh năm 1977

2. Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1969

Cùng trú tại: Số 7+8 nhà A, ngõ 24, đường V, phường Đ, quận C, thành phố H.

3. Ông Ngô Quý Th, sinh năm 1945

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1950

Cùng trú tại: Thôn X, xã M, huyện L, thành phố H.

5. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1971

6. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976

7. Cháu Phạm Ngọc An B, sinh năm 2006

8. Cháu Phạm Ngọc H, sinh năm 2011

Cùng trú tại: P609 nhà N03, phường V, quận C, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty 142 còn nợ Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2020 là 78.496.134.884 (Bảy mươi tám tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu một trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi tư) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 43.547.511.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 33.469.718.860 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 1.478.905.023 đồng.

2. Các đương sự cùng thống nhất thoả thuận phương án trả nợ như sau:

- Ưu tiên thu hồi khoản nợ gốc trước;
- Lộ trình trả nợ:

+ Kỳ 1: Đến ngày 31/12/2020, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.000.000.000 đồng nợ gốc;

+ Kỳ 2: Đến ngày 30/6/2021, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000.000 đồng nợ gốc;

+ Kỳ 3: Đến ngày 31/12/2021, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000.000 đồng nợ gốc;

+ Kỳ 4: Đến ngày 30/6/2022, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.000.000.000 đồng nợ gốc;

+ Kỳ 5: Đến ngày 31/12/2022, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.547.511.000 đồng nợ gốc;

+ Kỳ 6: Đến ngày 30/6/2023, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.000.000.000 đồng nợ lãi;

+ Kỳ 7: Đến ngày 31/12/2023, Công ty 142 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.948.623.884 đồng nợ lãi;

3. Kể từ ngày 19/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên, Công ty 142 phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

4. Trường hợp Công ty 142 không thanh toán hoặc thanh toán không đúng theo phương án trả nợ trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số: 41(1);7(1), tờ bản đồ số 04, diện tích: 226 m² tại địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360050, số QĐ 3280/QĐ-UB, MS 5980214, số vào sổ cấp GCN QSD đất H0214 do UBND huyện L, thành phố H cấp ngày 14/10/2005 mang tên bà Ngô Thị Thu Th và ông Phạm Ngọc V. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 669.2012/HĐTC ngày 30/08/2012.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng tại thửa đất số: 07;7(1), tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 379042, MS: 5980120, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0120, số QĐ: 2032/QĐ-UB do UBND huyện L, Thành phố H cấp ngày 15/08/2005 mang tên ông Ngô Quý Th và bà Phạm Thị H. Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số công chứng 5634.2010/HĐTC-quyển số: 01TP/CC-CC/HĐGD ngày 21/10/2010 và phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng (lần 1) số công chứng 5144,2013 (PL), quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/10/2013.

Tài sản thứ ba: Quyền sở hữu Căn hộ số 609, tầng 06, Nhà N03 khu 5,03 ha, phường V, quận C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 474891, Số vào sổ cấp GCN: CH 2273/3347/QĐ-UBND/2013 do UBND quận C, Thành phố H cấp ngày 12/06/2013 mang tên ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 021717/2013, quyển số: 10 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 15/07/2013.

Tài sản thứ tư: 14 Xe ô tô tải HOWO Biển kiểm soát 29C-225.36, 29C-224.63, 29C-225.13, 29C-225.50, 29C-225.72, 29C-225.82, 29C-224.52, 29C-224.93, 29C-225.21, 29C-225.48, 29C-225.51, 29C-255.54, 29C-228.12, 29C-225.33. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 020825/2013, quyển số: 10 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 27/03/2013.

Tài sản thứ năm: Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC1100-6, số khung PC1100-10179, Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC800-6, số khung PC800-30044, Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC800-6, số khung PC800-30070, Máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI EX450, số khung *16CP007509*, Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO SK 480LC, số khung YS06U0267, Máy ủi

nhãn hiệu KOMATSU D53A-18, số khung D5318-83133. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 01/2014, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 02/01/2014.

5. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì Công ty 142 phải tiếp tục thanh toán nợ bằng tài sản khác của Công ty 142 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N.

6. Án phí: Bị đơn Công ty 142 phải nộp 93.248.067 (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn không trăm sáu mươi bảy) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003734 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng